

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ TÍN DỤNG KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1050/QĐ-NHKL ngày 23/04/2024
của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long)

STT	KHOẢN PHÍ	MỨC PHÍ		SỐ TIỀN THU PHÍ TỐI THIỂU
		TỐI THIỂU	TỐI ĐA	
I	DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN	Không chịu thuế GTGT (GTGT)		
1	Phí bảo lãnh			
1.1	Ký quỹ 100%	0,035%/tháng		150.000đ/lần
1.2	Ký quỹ dưới 100%			
1.2.1	Số tiền bảo lãnh đã ký quỹ	0,035%/tháng		150.000đ/lần
1.2.2	Số tiền bảo lãnh chưa ký quỹ được bảo đảm bằng tài sản tương ứng			
a	Thẻ tiết kiệm, GTCG do KienlongBank phát hành	0,08%/tháng		150.000đ/lần
b	Sổ tiết kiệm, GTCG do NH khác phát hành	0,2%/tháng		200.000đ/lần
c	Bất động sản, tài sản khác			
1.3	Không có TSBĐ theo quy định của KienlongBank	0,25%/tháng		1.000.000đ/lần
2	Phí tu chỉnh bảo lãnh			
2.1	Sửa đổi tăng giá trị và/hoặc gia hạn (thu bổ sung phần tăng thêm)	Như phát hành thư bảo lãnh		
2.2	Sửa đổi khác	100.000 đ/lần		
3	Phí thu thêm khi phát hành thư bảo lãnh			
3.1	Theo mẫu KienlongBank	Miễn phí		
3.2	Theo mẫu của KH được KienlongBank chấp thuận	200.000đ/lần		
3.3	Theo mẫu KienlongBank bằng tiếng Việt và tiếng Anh	200.000đ/lần		
4	Phí xác thực thư bảo lãnh đã phát hành	200.000đ/lần		
5	Cấp lại thư bảo lãnh/cam kết bảo lãnh cho KH do bị mất hoặc bị hỏng	150.000đ/lần		
6	Hủy/Chấm dứt thư bảo lãnh theo đề nghị của khách hàng	200.000đ/lần		

STT	KHOẢN PHÍ		MỨC PHÍ		SỐ TIỀN THU PHÍ TỐI THIỂU
			TỐI THIỂU	TỐI ĐA	
7	Phí trả nợ trước hạn (áp dụng khi Khách hàng chủ động trả nợ trước hạn đối với phương thức cho vay từng lần tính từ ngày giải ngân theo từng KUNN)				
7.1	Cho vay ngắn hạn		1,5%*Số tiền trả nợ trước hạn		1.000.000đ
7.2	Cho vay trung hạn, dài hạn	p ≤ 12 tháng	4,0%*Số tiền trả nợ trước hạn		1.000.000đ
		12 tháng < p ≤ 24 tháng	3,0%*Số tiền trả nợ trước hạn		
		24 tháng < p ≤ 36 tháng	2,0%*Số tiền trả nợ trước hạn		
		36 tháng < p ≤ 48 tháng	1,0%*Số tiền trả nợ trước hạn		
		p > 48 tháng	Miễn Phí		
p: thời gian tính từ ngày giải ngân đến ngày trả nợ trước hạn theo từng KUNN					
8	Điều chỉnh kỳ hạn nợ/gia hạn nợ vay		Miễn phí		
9	Phí cam kết rút vốn kể từ thời điểm thỏa thuận cho vay có hiệu lực đến ngày giải ngân vốn vay lần đầu				
9.1	Cho vay ngắn hạn		1,0%*Giá trị hạn mức vay/Số tiền vay		1.000.000đ
9.2	Cho vay trung hạn, dài hạn		1,5%*Giá trị hạn mức vay/Số tiền vay		1.000.000đ
II	DỊCH VỤ KHÁC		Chưa bao gồm thuế GTGT		
1	Phí mượn hồ sơ tài sản bảo đảm theo yêu cầu của khách hàng				
1.1	Thẻ tiết kiệm, GTCG do KienlongBank phát hành		100.000đ/tài sản		
1.2	Tài sản khác		300.000đ/tài sản		
2	Phí thay đổi tài sản bảo đảm (theo yêu cầu của khách hàng)				
2.1	Thẻ tiết kiệm, GTCG do KienlongBank phát hành		Miễn phí		



STT	KHOẢN PHÍ	MỨC PHÍ		SỐ TIỀN THU PHÍ TỐI THIỂU
		TỐI THIỂU	TỐI ĐA	
2.2	Tài sản khác	200.000đ/tài sản		
3	Phí cấp bản sao giấy tờ tài sản bảo đảm			
3.1	Bản sao đăng ký xe (không bao gồm cho vay TGN)	50.000đ/hồ sơ		
3.2	Bản sao giấy tờ khác	50.000đ/hồ sơ		
4	Xác nhận bản chính tài sản bảo đảm, Thẻ tiết kiệm, GTCG đang thế chấp, cầm cố tại KienlongBank theo yêu cầu của KH	300.000đ/hồ sơ		
5	Phí cấp hạn mức tín dụng dự phòng (bao gồm các văn bản hứa xem xét cấp hạn mức tín dụng/thu xếp tín dụng/cam kết tài trợ)			
5.1	Hạn mức/giá trị thu xếp/cam kết dưới 05 tỷ đồng	0,15%*Giá trị hạn mức		1.000.000đ
5.2	Hạn mức/giá trị thu xếp/cam kết từ 05 tỷ đồng đến dưới 30 tỷ đồng	0,10%*Giá trị hạn mức		
5.3	Hạn mức/giá trị thu xếp/cam kết từ 30 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng	0,07%*Giá trị hạn mức		
5.4	Hạn mức/giá trị thu xếp/cam kết từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng	0,06%*Giá trị hạn mức		
5.5	Hạn mức/giá trị thu xếp/cam kết từ 100 tỷ đồng đến dưới 480 tỷ đồng	0,05%*Giá trị hạn mức		
5.6	Hạn mức/giá trị thu xếp/cam kết từ 480 tỷ đồng trở lên (Hạn mức/giá trị thu xếp/cam kết theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ)	0,04%*Giá trị hạn mức		

Nguyên tắc thu phí:

1. Biểu phí này không bao gồm thuế GTGT đối với **mục I** (dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT) và đã bao gồm thuế GTGT đối với **mục II** tương ứng với phụ lục này.
2. Mức phí ngoại tệ được thu bằng VND theo tỷ giá bán ngoại tệ chuyển khoản niêm yết tại thời điểm thu của KienlongBank.
3. Các dịch vụ có phát sinh điện phí, bưu phí ngoài nước, sẽ thu thêm phí này theo thực tế phát sinh.
4. Phí dịch vụ đã thu sẽ không hoàn lại kể cả trong trường hợp khách hàng yêu cầu hủy dịch vụ.
5. Phí dịch vụ được thu từng lần ngay khi phát sinh, hoặc thu gộp một lần khi kết thúc toàn bộ dịch vụ.
6. Trường hợp có Hợp đồng/Thỏa thuận giữa KienlongBank và khách hàng, hoặc sản phẩm dịch vụ có quy định thu phí riêng, đơn vị thực hiện thu phí theo Hợp đồng/Thỏa thuận/Quy định của sản phẩm dịch vụ.
7. Phí bảo lãnh ký quỹ dưới 100% (mục 1.2) = Phí mục 1.2.1 + Phí mục 1.2.2 (tương ứng tài sản bảo đảm a/b/c).